

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/9/2023.

V/v "Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bạch Tuyết.

2. Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Vũ Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ: ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2023/QĐST-HPT ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A. Sinh năm 1965.

Trú tại: 113 Tổ H, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T. Sinh năm 1965.

Trú tại: 113 Tổ H, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(bà A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83/14, quyển số 02/2013 vào ngày 28/5/2014. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là bà Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 26/7/1989 và bà Nguyễn Ngọc Kim T2, sinh ngày 06/02/1994. Nay bà A yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc A khai không có.

Ông Nguyễn Hữu T không tham gia tố tụng trong vụ án và không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

- Ông Nguyễn Hữu T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Nguyễn Thị Ngọc Á đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông Nguyễn Hữu T không tham gia tố tụng trong vụ án.

+ Về giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Á vì có cơ sở; do ông Nguyễn Hữu T không có lời khai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét bà Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Hữu T.

Xét ông Nguyễn Hữu T trú tại 113 Tô H, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Nguyễn Hữu T để tham gia phiên hòa giải nhưng ông Nguyễn Hữu T vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với ông Nguyễn Hữu T để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Hữu T vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bà Nguyễn Thị Ngọc Á có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc Á theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc Á và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: bà Nguyễn Thị Ngọc Á và ông Nguyễn Hữu T có tự nguyện đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp

pháp. Đến năm 2019 thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống. Và bà Nguyễn Thị Ngọc Á và ông Nguyễn Hữu T đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Hữu T để tham gia phiên hòa giải mâu thuẫn gia đình nhưng ông Nguyễn Hữu T không tham gia phiên hòa giải thể hiện ông Nguyễn Hữu T không còn tha thiết với cuộc sống chung. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Á và ông Nguyễn Hữu T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Á là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

- Về con chung: đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: do bà Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: do bà Nguyễn Thị Ngọc Á khai không có nên không giải quyết.

[3] Xét ông Nguyễn Hữu T không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Như đã phân tích, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Á:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Ngọc Á được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T (Giấy chứng nhận kết hôn số 83/14, quyển số 02/2013 vào ngày 28/5/2014 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực).

2. Về nuôi con chung: đã trưởng thành

3. Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị Ngọc Á khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Ngọc Á phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0046263 ngày 24/4/2023. Bà Nguyễn Thị Ngọc Á đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- Chi cục THA dân sự huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phù Quốc Tuấn